

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN
BỘ PHẬN: TRƯỜNG THCS XÃ THANH LƯƠNG

BẢNG TRUY LÍNH TĂNG % PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO DẠY 1 NĂM 2024
(Từ tháng 1/2024 đến hết tháng 5/2024)

Mức lương: 1.800.000 đồng/tháng

stt	Họ và tên	Lương ngạch bậc		CV		TNVK		Thâm niên sau khi tăng		Thâm niên trước khi tăng		Số tiền chênh lệch 1 T	Số người	Tổng số tiền được hưởng	Các khoản phải thu			Tổng lĩnh	Ghi chú
		Hsl	Lương ngạch bậc	CV	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền				1,5% BHYT	1% BHTN	8% BHXH		
1	Nguyễn Đức Hồng	5,36	9.648.000	0,45	810.000		-	26%	2.719.080	25%	2.614.500	104.580	5	522.900	7.844	5.229	41.832	467.996	T1-5/2024
2	Hoàng Thị Minh	5,36	9.648.000	0,35	630.000		-	29%	2.980.620	28%	2.877.840	102.780	5	513.900	7.708	5.139	41.112	459.940	T1-5/2024
3	Đỗ Đại Dương	5,36	9.648.000		-		-	33%	3.183.840	32%	3.087.360	96.480	5	482.400	7.236	4.824	38.592	431.748	T1-5/2024
4	Nguyễn Ngọc Phương	5,36	9.648.000	0,15	270.000		-	27%	2.677.860	26%	2.578.680	99.180	4	396.720	5.951	3.967	31.738	355.064	T2-5/2024
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	5,36	9.648.000	0,2	360.000		-	27%	2.702.160	26%	2.602.080	100.080	5	500.400	7.506	5.004	40.032	447.858	T1-5/2024
6	Phạm Thị Đa	4,89	8.802.000	0,15	270.000	7%	616.140	29%	2.809.561	28%	2.712.679	96.881	5	484.407	7.266	4.844	38.753	433.544	T1-5/2024
7	Trần Thị Bích Thảo	5,02	9.036.000		-			25%	2.259.000	24%	2.168.640	90.360	5	451.800	6.777	4.518	36.144	404.361	T1-5/2024
8	Lê Thị Hà	5,36	9.648.000	0,15	270.000			29%	2.876.220	28%	2.777.040	99.180	5	495.900	7.438	4.959	39.672	443.830	T1-5/2024
9	Bùi Thị Thu Hà	5,36	9.648.000		-			25%	2.412.000	24%	2.315.520	96.480	5	482.400	7.236	4.824	38.592	431.748	T1-5/2024
10	Hà Thị Kim Dung	4,74	8.532.000		-			21%	1.791.720	20%	1.706.400	85.320	4	341.280	5.119	3.413	27.302	305.446	T2-5/2024
11	Nguyễn Thị Lan	4,68	8.424.000		-			21%	1.769.040	20%	1.684.800	84.240	2	168.480	2.527	1.685	13.478	150.790	T4-5/2024
12	Lê Thị Ánh	4,68	8.424.000		-			20%	1.684.800	19%	1.600.560	84.240	3	252.720	3.791	2.527	20.218	226.184	T3-5/2024
13	Hoàng Thị Thu Hồng	4,68	8.424.000		-			21%	1.769.040	20%	1.684.800	84.240	4	336.960	5.054	3.370	26.957	301.579	T2-5/2024
14	Nguyễn Thị Nhung	4,34	7.812.000		-			20%	1.562.400	19%	1.484.280	78.120	3	224.360	3.515	2.344	18.749	209.752	T3-5/2024
15	Hồ Quang Chung	3,99	7.182.000		-			21%	1.508.220	20%	1.436.400	71.820	2	143.640	2.155	1.436	11.491	128.558	T4-5/2024

Lương cơ bản: 1.800.000 đồng																			
stt	Họ và tên	Lương ngạch bậc		CV		TNVK		Thâm niên sau khi tăng		Thâm niên trước khi tăng		Số tiền chênh lệch 1 T	Số ngày nghỉ	Tổng số tiền được hưởng	Các khoản phải thu			Tổng lĩnh	Ghi chú
		Hsl	Lương ngạch bậc	CV	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền				%	1,5% BHYT	1% BHTN		
16	Bùi Thị Vân Thanh	4,68	8.424.000					21%	1.769.040	20%	1.684.800	84.240	2	168.480	2.527	1.685	13.478	150.790	T4-5/2024
17	Nguyễn Hương Giang	5,02	9.036.000					27%	2.439.720	26%	2.349.360	90.360	5	451.800	6.777	4.518	36.144	404.361	T1-5/2024
18	Trần Thị Ngọc	4,68	8.424.000					21%	1.769.040	20%	1.684.800	84.240	4	336.960	5.054	3.370	26.957	301.579	T2-5/2024
Tổng cộng			142.596.000	1	2.610.000	0	616.140	4	36.474.601	4	35.016.379	1.458.221	73	6.765.507	101.403	67.665	541.241	6.056.128	

KẾ TOÁN

(Signature)

Nguyễn Thị Yên

